

## **KẾ HOẠCH**

### **Tổ chức phát động phong trào thi đua “Năm trật tự, văn minh đô thị” năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông**

Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý đô thị và xây dựng đô thị văn minh gắn với các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Kế hoạch số 410/KH-UBND ngày 11/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về tổ chức phát động phong trào thi đua “Năm trật tự, văn minh đô thị” năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông ban hành Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua “Năm trật tự, văn minh đô thị” năm 2026 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chỉ đạo của cấp trên về quản lý đất đai, trật tự xây dựng, quy hoạch, giao thông, hạ tầng, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và xây dựng nếp sống văn minh trên địa bàn xã.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý nhà nước; nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, các thôn và Nhân dân trong việc chấp hành pháp luật về đất đai, xây dựng, giao thông, bảo vệ môi trường và giữ gìn cảnh quan.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân; xây dựng địa bàn xã Vĩnh Thông theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn - văn minh, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Gắn kết quả thực hiện phong trào thi đua với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm 2026.

### **2. Yêu cầu**

- Phong trào thi đua phải được triển khai thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tránh hình thức.

- Xác định rõ từng nội dung công việc, chỉ tiêu, tiến độ và trách nhiệm của từng bộ phận chuyên môn, các thôn và người đứng đầu.
- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm; không để vi phạm kéo dài, tái diễn hoặc phát sinh điểm nóng trên địa bàn.
- Lồng ghép phong trào với các chương trình, phong trào đang triển khai tại xã, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo.

## **II. NỘI DUNG THI ĐUA**

Phong trào thi đua tập trung vào 6 nội dung sau:

### **1. Nhóm nội dung về trật tự xây dựng và quy hoạch**

- Tăng cường quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.
- Tổ chức thực hiện nghiêm quy định pháp luật về xây dựng, quy hoạch; kiên quyết xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

### **2. Nhóm nội dung về trật tự, an toàn giao thông**

- Xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, vỉa hè, lòng đường để kinh doanh, buôn bán, đỗ xe, tập kết vật liệu xây dựng trái quy định.
- Tổ chức giao thông khoa học, hợp lý. Hoàn thiện hệ thống biển báo giảm ừn tắc giao thông, nhất là tại các nút giao và khu vực trung tâm vào giờ cao điểm.

### **3. Nhóm nội dung về hạ tầng, cảnh quan, không gian công cộng**

- Đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống chiếu sáng và các công trình, tiện ích công cộng phù hợp với điều kiện thực tế.
- Đẩy mạnh ngầm hóa đường điện, cáp viễn thông; từng bước triển khai hệ thống quan sát, giám sát; tăng cường kết nối, tích hợp dữ liệu phục vụ công tác quản lý.

### **4. Nhóm nội dung về vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh**

- Vận động Nhân dân không lấn chiếm hành lang cống, mương, suối thoát nước, không xả rác xuống hệ thống thoát nước; thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn.
- Vận động Nhân dân trồng, quản lý, chăm sóc cây xanh; xây dựng khu dân cư xanh - sạch - đẹp.

### **5. Nhóm nội dung về an ninh trật tự, chuyển đổi số**

- Tăng cường bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; khai thác hiệu quả các nền tảng số, hệ thống giám sát, cơ sở dữ liệu và các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động đầu tư, xây dựng, vận chuyển vật liệu xây dựng; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

### **6. Nhóm nội dung về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền**

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới”, “Xây dựng văn hóa giao thông”.

## **III. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA**

Kết quả thực hiện phong trào được chấm điểm theo thang điểm 100, làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng và đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tập thể, cá nhân, cụ thể như sau:

### **1. Tiêu chí áp dụng**

| <b>TT</b> | <b>Nhóm tiêu chí</b>                                                                           | <b>Nội dung đánh giá chủ yếu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Điểm</b> | <b>Đơn vị chủ trì theo dõi</b> |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|
| 1         | <b>Quản lý đất đai, trật tự xây dựng</b>                                                       | Tỷ lệ hồ sơ đất đai giải quyết đúng hạn theo quy định; phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm lấn, chiếm đất rừng, đất công, đất nông nghiệp sử dụng sai mục đích; tỷ lệ công trình xây dựng có phép hoặc thuộc diện miễn giấy phép; xử lý vi phạm xây dựng trên đất nông nghiệp, đất rừng, hành lang an toàn giao thông, thủy lợi, lưới điện          | 15          | Phòng Kinh tế                  |
| 2         | <b>Giao thông nông thôn, hạ tầng thiết yếu (điện - đường - trường - trạm - nước sinh hoạt)</b> | Tỷ lệ đường giao thông nông thôn cứng hóa; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia an toàn, ổn định; tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Phủ sóng viễn thông, internet đến thôn, bản; duy trì hạ tầng phục vụ chính quyền sở; Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa, trạm y tế, nhà văn hóa thôn bản đạt chuẩn theo kế hoạch được giao | 25          | Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH     |
| 3         | <b>Phát triển sản xuất, giảm</b>                                                               | Tỷ lệ giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều so với chỉ tiêu được giao trong                                                                                                                                                                                                                                                         | 20          | Phòng Kinh tế                  |

| TT | Nhóm tiêu chí                                                   | Nội dung đánh giá chủ yếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Điểm | Đơn vị chủ trì theo dõi                |
|----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------|
|    | <b>nghèo, sinh kế bền vững</b>                                  | năm; Kết quả triển khai mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và hỗ trợ sinh kế theo các CTMTQG; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có việc làm sau đào tạo; kết quả đưa lao động đi làm việc theo hợp đồng; Phát triển kinh tế nông thôn: duy trì, phát triển làng nghề, sản phẩm OCOP, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ |      |                                        |
| 4  | <b>Vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh</b>                    | Tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao được giao trong năm; Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi; tỷ lệ hộ có nhà tiêu, chuồng trại hợp vệ sinh; Xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc                                        | 15   | Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH             |
| 5  | <b>An ninh trật tự, phòng chống thiên tai, đoàn kết dân tộc</b> | Tình hình an ninh trật tự khu vực; Công tác phòng, chống thiên tai; Công tác dân tộc, tôn giáo: giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc không để xảy ra điểm nóng liên quan đến dân tộc, tôn giáo.                                                                                                                                     | 15   | Công an xã; Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH |
| 6  | <b>Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền</b>                 | Mức độ ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo; chất lượng, hiệu quả tuyên truyền; vai trò nêu gương của người đứng đầu; kết quả lồng ghép với các phong trào thi đua khác.                                                                                                                                                            | 10   | Phòng Kinh tế                          |

Tiêu chí và phương pháp chấm điểm phong trào thi đua “Năm trật tự, văn minh đô thị” được thực hiện theo Phụ lục chi tiết kèm theo Kế hoạch này (*Có Phụ lục chi tiết về tiêu chí và phương pháp chấm điểm gửi kèm*).

### 3. Xếp loại

Xuất sắc (từ 90 điểm trở lên); Tốt (từ 75 đến dưới 90 điểm); Khá (từ 60 đến dưới 75 điểm); Trung bình (từ 45 đến dưới 60 điểm); Chưa đạt (dưới 45 điểm). Đơn vị có công trình, dự án chậm tiến độ do nguyên nhân chủ quan hoặc để xảy ra vi phạm nghiêm trọng, kéo dài về trật tự xây dựng không được xét xếp loại từ Tốt trở lên trong năm.

### IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đối tượng tham gia phong trào: Các phòng, cơ quan, đơn vị, thôn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và Nhân dân trên địa bàn xã.

Đối tượng bình xét, chấm điểm thi đua: Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã, được bình xét, chấm điểm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và các tiêu chí thi đua được quy định tại Kế hoạch và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Phạm vi thực hiện: Phong trào được triển khai trên phạm vi toàn xã Vĩnh Thông; các tuyến đường, khu vực trung tâm, khu dân cư, công trình công cộng.

Thời gian thực hiện: Từ ngày Kế hoạch được ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Việc bình xét, chấm điểm và tổng hợp kết quả thi đua được thực hiện theo tiến độ, thời gian quy định tại Kế hoạch và hướng dẫn của cơ quan chủ trì.

## V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

| TT | Giai đoạn | Thời gian     | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị chủ trì                      |
|----|-----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | 1         | Tháng 9/2026  | Tập trung cao điểm triển khai phong trào; rà soát các nhiệm vụ, chỉ tiêu; kiểm tra, xử lý các tồn tại, vi phạm về trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường; tập trung hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch.                                                                                                                                                                                                                       | Phòng Kinh tế; Công an xã; các Thôn |
| 2  | 2         | Tháng 10/2026 | Tổng rà soát kết quả sau đợt cao điểm; tiếp tục xử lý các tồn tại; duy trì kết quả đạt được, phòng ngừa tái vi phạm; thực hiện các nhiệm vụ chỉnh trang, vệ sinh môi trường, cảnh quan và trật tự xây dựng.                                                                                                                                                                                                                    | Phòng Kinh tế; Công an xã; các Thôn |
| 3  | 3         | Tháng 11/2026 | Đẩy mạnh các nhiệm vụ duy trì, nâng cao chất lượng quản lý; tập trung hoàn thiện các nhiệm vụ chỉnh trang hạ tầng, cảnh quan; triển khai các mô hình, cách làm hiệu quả; tiếp tục kiểm tra, đôn đốc và xử lý vi phạm.<br>Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, tiêu chí thi đua; tổng hợp số liệu, hồ sơ; đánh giá kết quả của từng cơ quan, đơn vị; lựa chọn mô hình, điển hình và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng. | Phòng Kinh tế; Công an xã; các Thôn |
| 4  | 4         | Tháng 12/2026 | Tổng kết phong trào; đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; tổ chức bình xét, đề xuất khen thưởng; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU và Kế hoạch.                                                                                                                                                                                                                                   | Phòng Kinh tế; Công an xã; các Thôn |

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Văn Hóa - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế hướng dẫn quy trình, thủ tục; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, khen

thường các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.
- Phối hợp thực hiện các mô hình hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; theo dõi, nắm tình hình dân tộc, tôn giáo, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; phối hợp tuyên truyền, vận động phù hợp với phong tục, tập quán.
- Phối hợp xây dựng các mô hình khu dân cư văn minh, xanh - sạch - đẹp.

## **2. Phòng Kinh tế**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì theo dõi, tổng hợp, đôn đốc việc triển khai các nội dung chuyên môn của Kế hoạch; chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, trật tự xây dựng, quy hoạch, hạ tầng; phối hợp với phòng Văn Hóa - Xã hội trong đánh giá, chấm điểm các tiêu chí liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã về tổ chức tổng kết Phong trào thi đua; tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (qua phòng Văn Hóa - Xã hội) khen thưởng theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với phòng Văn Hóa - Xã hội hướng dẫn việc tổng hợp, đánh giá kết quả và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp theo dõi và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, trọng tâm là duy trì và phát triển các sản phẩm OCOP.

- Chỉ đạo các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ hiệu quả; kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất.

## **3. Công an xã**

Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung về trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, an ninh trật tự khu vực; xử lý nghiêm các hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, vỉa hè, lòng đường. Hướng dẫn tổ chức giao thông khoa học, hợp lý.

## **4. Trạm Y tế**

Chủ trì theo dõi việc đầu tư, nâng cấp các công trình y tế đạt chuẩn; đảm bảo các tiêu chí về hạ tầng y tế trong xây dựng nông thôn mới.

## **5. Các cơ quan trên địa bàn xã**

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; trực tiếp tổ chức thực hiện, kiểm tra, xử lý vi phạm trên địa bàn quản lý.
- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện phong trào trên địa bàn; định kỳ trước ngày 15 hằng tháng gửi báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Kinh tế) để tổng hợp.

## **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - chính trị và xã hội**

Tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý.

## **7. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã**

- Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh và các hình thức phù hợp.
- Mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về phong trào thi đua; kịp thời biểu dương gương điển hình, cách làm hay; phản ánh những tồn tại, hạn chế để chấn chỉnh.
- Chủ trì các nội dung về vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các công trình xây dựng, hoạt động sản xuất.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn kinh phí được giao trong dự toán năm 2026 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng quy định.

## **VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO**

- Các phòng chuyên môn, các thôn báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Kinh tế) để tổng hợp trước ngày 15 hằng tháng.
- Phòng Kinh tế tổng hợp và tham mưu cho UBND xã báo cáo cấp trên trước ngày 20 hằng tháng theo yêu cầu của Kế hoạch cấp tỉnh.
- Báo cáo sơ kết thực hiện trong tháng 10/2026.
- Báo cáo tổng kết: Trước ngày 10/12/2026, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo tổng kết về Phòng Kinh tế, kèm đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

- Báo cáo tổng kết và hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo thời gian quy định của cấp trên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các thôn kịp thời báo cáo UBND xã (qua phòng Kinh tế) để tổng hợp xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua “Năm trật tự, văn minh đô thị” năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông./.

**Nơi nhận:**

- Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Các thôn;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Hội**

## PHỤ LỤC CHI TIẾT

### Tiêu chí và phương pháp chấm điểm phong trào thi đua “Năm trật tự, văn minh đô thị” năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)

#### I. TIÊU CHÍ ÁP DỤNG

##### 1. Quản lý đất đai, trật tự xây dựng nông thôn - 15 điểm

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                     | Điểm<br>tối<br>đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                                                                                           | Tài liệu minh chứng                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tỷ lệ hồ sơ đất đai (cấp giấy CNQSDĐ, tách thửa, chuyển mục đích) giải quyết đúng hạn theo quy định     | 4                 | Công thức: Điểm = $4 \times (\text{Số hồ sơ giải quyết đúng hạn} / \text{Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ})$ .<br>Thang quy đổi: 100% = 4 điểm; 90-<100% = 3 điểm; 80-<90% = 2 điểm; 70-<80% = 1 điểm; dưới 70% = 0 điểm.                                 | Sổ tiếp nhận hồ sơ; phần mềm một cửa; báo cáo giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai.                       |
| 2   | Phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm lấn, chiếm đất rừng, đất công, đất nông nghiệp sử dụng sai mục đích | 4                 | - Phát hiện kịp thời vi phạm phát sinh (trong 48-72 giờ, phù hợp địa bàn miền núi đi lại khó khăn): tối đa 2 điểm.<br>- Xử lý dứt điểm/tổng số vụ phát hiện trong kỳ: 100% = 2 điểm, giảm dần theo tỷ lệ (80-<100% = 1,5 điểm; dưới 80% = tối đa 1 điểm). | Sổ theo dõi vi phạm đất đai; biên bản kiểm tra, xử lý; quyết định xử phạt, cưỡng chế; ảnh hiện trạng. |
| 3   | Tỷ lệ công trình xây dựng có giấy phép hoặc thuộc diện miễn phép                                        | 4                 | Công thức: Điểm = $4 \times (\text{Số công trình khởi công mới có giấy phép/miễn phép đúng quy định} / \text{Tổng số công trình khởi công mới thuộc diện phải kiểm}$                                                                                      | Danh sách công trình khởi công mới; giấy phép/thông báo miễn phép; báo cáo của công chức.             |

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                      | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                   | Tài liệu minh chứng                                                                               |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | theo quy định (chủ yếu công trình công cộng, trụ sở, công trình lân hành lang an toàn)                   |             | soát).<br>Thang quy đổi: 100% = 4 điểm; 90-<100% = 3 điểm; 80-<90% = 2 điểm; dưới 80% = 0-1 điểm. |                                                                                                   |
| 4   | Xử lý vi phạm xây dựng trên đất nông nghiệp, đất rừng, hành lang an toàn giao thông, thủy lợi, lưới điện | 3           | Xử lý dứt điểm 100% số vụ phát hiện trong kỳ = 3 điểm; 80-<100% = 2 điểm; dưới 80% = 0-1 điểm.    | Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm; quyết định cưỡng chế/tháo dỡ; ảnh hiện trạng trước - sau xử lý. |

Đơn vị chủ trì theo dõi: Phòng Kinh tế

## 2. Giao thông nông thôn, hạ tầng thiết yếu (điện - đường - trường - trạm - nước sinh hoạt) - 25 điểm

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                                          | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                                                                                         | Tài liệu minh chứng                                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tỷ lệ đường giao thông nông thôn (trục xã, liên thôn, ngõ bản) được cứng hóa, bê tông hóa và duy tu, bảo dưỡng theo kế hoạch | 5           | Công thức: Điểm = $6 \times (\text{Km đường được cứng hóa/duy tu hoàn thành trong kỳ} / \text{Km theo kế hoạch được giao})$ .<br>Đạt 100% kế hoạch = 6 điểm; giảm dần theo tỷ lệ; dưới 50% (không do nguyên nhân khách quan về vốn, địa hình) = 0 điểm. | Kế hoạch đầu tư, duy tu giao thông nông thôn; biên bản nghiệm thu; hình ảnh trước - sau. |

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                       | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                            | Tài liệu minh chứng                                                                               |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia an toàn, ổn định                                             | 5           | Thang quy đổi theo tỷ lệ hộ có điện an toàn trên tổng số hộ: 100% = 3 điểm; 95-<100% = 2,5 điểm; 90-<95% = 2 điểm; dưới 90% = tối đa 1 điểm.                               | Báo cáo của ngành điện; danh sách hộ dân theo thôn, bản; biên bản kiểm tra an toàn lưới điện.     |
| 3   | Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (nước tự chảy, giếng, công trình cấp nước tập trung) | 5           | Thang quy đổi: $\geq 95\%$ = 4 điểm; 90-<95% = 3 điểm; 80-<90% = 2 điểm; 70-<80% = 1 điểm; dưới 70% = 0 điểm.                                                              | Báo cáo rà soát nguồn nước sinh hoạt; biên bản kiểm tra chất lượng công trình cấp nước tập trung. |
| 4   | Phủ sóng viễn thông, internet đến thôn, bản; duy trì hạ tầng phục vụ chính quyền số                       | 5           | Tỷ lệ thôn, bản có sóng di động/internet ổn định trên tổng số thôn, bản: 100% = 3 điểm; 90-<100% = 2 điểm; dưới 90% = 0-1 điểm.                                            | Báo cáo của doanh nghiệp viễn thông; kết quả khảo sát vùng lõm sóng.                              |
| 5   | Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa, trạm y tế, nhà văn hóa thôn bản đạt chuẩn theo kế hoạch được giao            | 5           | Công thức: Điểm = $5 \times (\text{Số hạng mục hoàn thành, đạt chuẩn trong kỳ} / \text{Số hạng mục theo kế hoạch})$ .<br>Đạt 100% = 5 điểm; giảm dần theo tỷ lệ thực hiện. | Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất giáo dục, y tế, văn hóa; biên bản nghiệm thu, công nhận đạt chuẩn. |

Đơn vị chủ trì theo dõi: Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH; Trạm Y tế

### 3. Phát triển sản xuất, giảm nghèo, sinh kế bền vững - 20 điểm

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                                       | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                                                        | Tài liệu minh chứng                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tỷ lệ giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều so với chỉ tiêu được giao trong năm                           | 6           | Công thức: Điểm = $8 \times$ (Tỷ lệ giảm nghèo thực hiện / Chỉ tiêu giảm nghèo được giao).<br>Hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu = 8 điểm; đạt 80- <100% chỉ tiêu = 5-7 điểm; đạt 50- <80% = 2-4 điểm; dưới 50% = 0-1 điểm. | Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo đầu kỳ và cuối kỳ; chỉ tiêu giảm nghèo được cấp trên giao.              |
| 2   | Kết quả triển khai mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và hỗ trợ sinh kế theo các chương trình mục tiêu quốc gia | 6           | Đánh giá theo số mô hình/dự án hỗ trợ sinh kế hoàn thành, phát huy hiệu quả trên tổng số được giao trong năm: 100% = 6 điểm; 80- <100% = 4-5 điểm; 50- <80% = 2-3 điểm; dưới 50% = 0-1 điểm.                           | Kế hoạch, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ sinh kế; báo cáo kết quả thực hiện, đánh giá hiệu quả mô hình.  |
| 3   | Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có việc làm sau đào tạo; kết quả đưa lao động đi làm việc theo hợp đồng                   | 3           | Đạt hoặc vượt chỉ tiêu được giao = 3 điểm; đạt 70- <100% chỉ tiêu = 1,5-2,5 điểm; dưới 70% = 0-1 điểm.                                                                                                                 | Báo cáo kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm; danh sách lao động đi làm việc có hợp đồng.              |
| 4   | Phát triển kinh tế nông thôn: duy trì, phát triển làng nghề, sản phẩm OCOP, mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ          | 5           | Đánh giá theo số sản phẩm OCOP được công nhận/duy trì hạng sao, số mô hình liên kết sản xuất hoạt động hiệu quả trên chỉ tiêu được giao: đạt/vượt chỉ tiêu = 6 điểm; đạt 70- <100% = 3-5 điểm; dưới 70% = 0-2 điểm.    | Hồ sơ công nhận sản phẩm OCOP; hợp đồng liên kết sản xuất - tiêu thụ; báo cáo phát triển kinh tế nông thôn. |

Đơn vị chủ trì theo dõi: Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH.

#### 4. Vệ sinh môi trường, xây dựng nông thôn mới, nếp sống văn hóa - 15 điểm

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                   | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                               | Tài liệu minh chứng                                                                                                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao được giao trong năm               | 5           | Hoàn thành đúng/vượt tiến độ 100% số tiêu chí được giao = 5 điểm; mỗi tiêu chí chậm tiến độ hoặc chưa đạt trừ 1 điểm (trừ trường hợp có văn bản chứng minh nguyên nhân khách quan).           | Kế hoạch xây dựng NTM/NTM nâng cao được giao trong năm; báo cáo tự chấm điểm, kết quả thẩm định tiêu chí.           |
| 2   | Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi; tỷ lệ hộ có nhà tiêu, chuồng trại hợp vệ sinh | 5           | - Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định: tối đa 3 điểm theo tỷ lệ thực hiện.<br>- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh: tối đa 2 điểm theo tỷ lệ đạt. | Báo cáo thu gom rác thải; kết quả rà soát nhà tiêu, chuồng trại hợp vệ sinh theo hộ gia đình.                       |
| 3   | Xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc            | 5           | Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa đạt/vượt chỉ tiêu đăng ký = 5 điểm; đạt 80-<100% chỉ tiêu = 3-4 điểm; dưới 80% = 0-2 điểm.                                                        | Kết quả bình xét gia đình văn hóa, thôn bản văn hóa; hồ sơ công nhận; tư liệu về hoạt động bảo tồn văn hóa dân tộc. |

Đơn vị chủ trì theo dõi: Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH

### 5. An ninh trật tự, phòng chống thiên tai, đoàn kết dân tộc - 15 điểm

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                                                           | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tài liệu minh chứng                                                                                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; không để phát sinh điểm nóng, khiếu kiện đông người, phức tạp về an ninh nông thôn         | 5           | Không phát sinh vụ việc phức tạp, kéo dài; 100% vụ việc được xử lý đúng thẩm quyền, đúng hạn = 5 điểm; có phát sinh nhưng xử lý kịp thời, không để kéo dài = 3-4 điểm; có vụ việc xử lý chậm, chưa dứt điểm = 0-2 điểm.                                                                                                                    | Báo cáo tình hình an ninh, trật tự định kỳ; số liệu vụ việc phát sinh và kết quả xử lý.                                      |
| 2   | Công tác phòng, chống thiên tai (sạt lở đất, lũ quét, lũ ống): xây dựng phương án, di dời dân khỏi vùng nguy hiểm, diễn tập, ứng phó kịp thời | 6           | - Có phương án phòng chống thiên tai cụ thể theo từng khu vực nguy cơ, được phê duyệt, diễn tập theo kế hoạch: tối đa 3 điểm.<br>- Ứng phó kịp thời khi có tình huống thực tế (cảnh báo sớm, sơ tán an toàn, không thiệt hại về người do chủ quan): tối đa 3 điểm; để xảy ra thiệt hại về người do chủ quan, chậm ứng phó: 0 điểm mục này. | Phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã; biên bản diễn tập; báo cáo ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. |
| 3   | Công tác dân tộc, tôn giáo: giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, không                                                                         | 4           | Không phát sinh vụ việc phức tạp về dân tộc, tôn giáo = 4 điểm; có phát sinh nhưng được vận động, xử lý ổn thỏa, kịp thời = 2-3 điểm; để phát sinh                                                                                                                                                                                         | Báo cáo công tác dân tộc, tôn giáo; biên bản làm việc, vận động quần chúng; đánh giá của cơ quan                             |

| STT | Tiêu chí thành phần                                 | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết | Tài liệu minh chứng |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|---------------------|
|     | để xảy ra điểm nóng liên quan đến dân tộc, tôn giáo |             | điểm nóng, kéo dài = 0-1 điểm.  | chuyên trách.       |

Đơn vị chủ trì theo dõi: Công an xã; Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH.

#### 6. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền - 10 điểm

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                              | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                           | Tài liệu minh chứng                                                                                       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện                               | 3           | Ban hành đúng thời hạn, đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của cấp trên = 3 điểm; chậm thời hạn hoặc thiếu nội dung theo yêu cầu: trừ 0,5-1 điểm cho mỗi thiếu sót.                           | Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai phong trào thi đua                                                   |
| 2   | Công tác kiểm tra, đôn đốc (chú trọng địa bàn thôn, bản xa trung tâm, đi lại khó khăn)           | 2           | Thực hiện đủ số cuộc kiểm tra theo kế hoạch, có biên bản, kết luận và chỉ đạo khắc phục rõ ràng = 2 điểm; thực hiện một phần = 1 điểm; không thực hiện = 0 điểm.                          | Kế hoạch kiểm tra; biên bản, kết luận kiểm tra; văn bản đôn đốc, chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra.          |
| 3   | Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân (chú trọng hình thức phù hợp đồng bào dân tộc thiểu số) | 3           | Đa dạng hình thức, phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín, hiệu quả rõ rệt = 3 điểm; thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao = 1,5-2 điểm; hình thức, chưa hiệu quả = 0-1 điểm. | Kế hoạch, tài liệu tuyên truyền; hình ảnh, sản phẩm truyền thông; báo cáo kết quả tuyên truyền, vận động. |

| STT | Tiêu chí thành phần                                                                                            | Điểm tối đa | Thang điểm / Cách chấm chi tiết                                                                                                                                                                 | Tài liệu minh chứng                                                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | số: tiếng dân tộc, già làng, trưởng bản, người có uy tín)                                                      |             |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                           |
| 4   | Vai trò, trách nhiệm và tính nêu gương của người đứng đầu và kết quả lồng ghép với các phong trào thi đua khác | 2           | Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, xử lý vụ việc nổi cộm, lồng ghép hiệu quả với phong trào thi đua khác = 2 điểm; có thực hiện nhưng chưa nổi bật = 1 điểm; không thể hiện rõ vai trò = 0 điểm. | Văn bản, biên bản chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu; báo cáo kết quả lồng ghép các phong trào thi đua. |

Đơn vị chủ trì theo dõi: Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH.